

A, ngày 08 tháng 11 năm 2019

Số: 143/2019/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Căn cứ vào biên hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 120/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hầu Thị C** (Tên gọi khác: **Hầu Thị C**).

Địa chỉ: Tổ 06, phường Quang Trung, thành phố B, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh **Triệu Thanh Đ**.

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện A, tỉnh Hà Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Đức S**.

Địa chỉ: Số nhà 381, tổ 09, phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh Hà Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ tranh chấp: Chị **Hầu Thị C** và anh **Triệu Thanh Đ** thỏa thuận nhất trí:

+ Giao cho anh **Triệu Thanh Đ** được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 84,8m² tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 78 tại thôn C, xã D, huyện A, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 474793 ngày 24/5/2017

mang tên anh Triệu Thanh Đ và chị Hầu Thị C (Hầu Thị C). Cùng tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà gỗ, 03 gian.

+ Anh Triệu Thanh Đ có trách nhiệm thanh toán một phần giá trị của số tài sản chung cho chị Hầu Thị C – Địa chỉ: Tổ 06, phường Quang Trung, thành phố B, tỉnh Hà Giang là số tiền 15.000.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng (*Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản*): Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Hầu Thị C và anh Triệu Thanh Đ.

Chị Hầu Thị C chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 2.850.000đ (*Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản*).

- Về án phí:

+ Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hầu Thị C (*Chị C thuộc diện hộ nghèo tại địa phương và có đơn xin miễn giảm án phí*).

+ Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho anh Triệu Thanh Đ (*Anh Đ thuộc diện hộ nghèo tại địa phương và có đơn xin miễn giảm án phí*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đán Văn Đ